**TOÁN. TIẾT 144**

**TÌM THÀNH PHẦN CHƯA BIẾT CỦA PHÉP TÍNH (T2)**

**Thời gian thực hiện ngày 2 tháng 4 năm 2025**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Tìm thành phần chưa biết trong phép trừ.

- Vận dụng cách tìm thành phần chưa biết trong phép trừ vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy lập luận toán học, năng lực mô hình hóa toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

 - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; vận dụng làm tốt các bài tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

- Một số thẻ ghi phép tính cộng trừ trong đó có thành phần chưa biết.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - Ban học tập tổ chức trò chơi để khởi động bài học. Trò chơi có tên gọi “ Ai nhanh ai đúng” **Với dấu +; - và các số 9; 6; 3 em hãy lập thành phép tính đúng.**- GV quan sát và giúp đỡ.- Qua trò chơi em đã rèn luyện được kĩ năng gì?- Qua trò chơi em cảm thấy như thế nào?- GV dẫn dắt vào bài mới.- Ở tiết 1 các em đã được tìm thành phần chưa biết trong phép cộng. Sang tiết 2 này cô sẽ hướng dẫn các em tìm thành phần chưa biết trong phép trừ nhé. | - HS tham gia trò chơi theo nhóm 4, viết phép tính đúng ra vở nháp.- Nhóm nào ghép nhanh có tín hiệu báo cáo trước thì nhóm đó thắng cuộc.- Kết quả của phép tính đúng là: 3 + 6 = 9 6 + 3 = 99 - 6 = 3 9 - 3 = 6 |
| **2. Khám phá****-** Mục tiêu: Học sinh biết tìm thành phần chưa biết trong phép trừ.+ Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.**-** Cách tiến hành:  |
| GV cho HS quan sát tranh minh họa và bài toán. **(Hoạt động Cặp – cả lớp)**- GV cho học sinh quan sát tranh, đọc thông tin và thảo luận thông tin từ tình huống trong bức tranh.Hoạt động cả lớp- Bức tranh vẽ gì? - Bạn voi chỉ vào trong thùng nói gì với bạn trai?- Bạn trai đang nói gì với bạn voi?- Em thử đoán hộ bạn voi xem lúc đầu trong thùng có mấy cuốn sách.- Hãy nêu phép tính tìm số sách ban đầu trong thùng sách?- Em hãy nêu một số cách để tìm số chưa biết theo suy nghĩ của em.- GV nêu vấn đề: Trong toán học để tìm thành phần chưa biết của phép trừ người ta làm như thế nào chúng ta cùng tìm hiểu nhé.- GV viết phép tính lên bảng yêu cầu học sinh nêu tên gọi thành phần của phép tính trên. - 6 = 3    Số bị trừ Số trừ Hiệulà số bị trừ các em đã biết chưa?- Muốn tìm số bị trừ chưa biết dựa khi biết hiệu và số trừ em làm như thế nào?= 3 + 6 - GV gọi nhiều học sinh nêu cách làm.- GV chốt: Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.- Yêu cầu học sinh lấy ví dụ minh họa.**Tương tự: Tìm số bị trừ chưa biết dựa vào hiệu và số bị trừ**- GV viết bảng: 9 -  = 3    Số bị trừ Số trừ Hiệu**-** Trong phép tính trên  gọi là gì?- Em hãy suy nghĩ cách làm để tìm số trừ chưa biết?- Vậy muốn tìm số trừ chưa biết em làm như thế nào?- GV chốt lại cách tìm số bị trừ và số trừ theo sgk?- Gọi học sinh nhắc lại.**1. Tìm số bị trừ****9 – 6 = 3****9 = 3 + 6****\* Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.****2. Tìm số bị trừ****9 – 6 = 3****9 = 3 + 6****\* Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu.**- Gọi học sinh lấy ví dụ minh họa. | - Chia sẻ theo cặp- Bạn voi nói trong thùng còn 3 cuốn sách?- Bạn trai nói: Tôi đã xếp 6 quyển sách lên giá. Đố bạn Voi lúc đầu thùng có mấy cuốn sách.- Trong thùng có 9 quyển sách- - 6 = 3- là số bị trừ; 6 là số trừ; 3 là hiệu.là số bị trừ em chưa biết.- Lấy hiệu cộng với số bị trừ.- Nhiều học sinh nhắc lại. - Học sinh nêu thành phần tên gọi.- 9 là số bị trừ, là số trừ, 3 là hiệu.-  gọi là số trừ.- Lấy 9 - 3 = 6- Lấy hiệu cộng với số trừ.- Nhiều học sinh nhắc lại- Muốn tìn số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.- Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu |
| **3. Thực hành luyện tập**- Mục tiêu:+ Vận dụng cách tìm thành phần chưa biết trong phép trừ vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế + Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.- Cách tiến hành: |
| **Bài 3. Tính nhẩm (Làm việc cá nhân)**- GV yêu cầu HS nêu đề bài:Tìm thành phần chưa biết trong phép tính sau:a) - 8 = 10 b) 16 - = 12 c)  - 226 = 10 - 20 = 30 50 -  = 45 721 - = 700- Giáo viên chữa bài và chốt cách thực hiện bằng câu hỏi:VD: - Nêu tên gọi thành phần trong phép tính a.- Muốn tìm số bị trừ chưa biết em làm như thế nào?- Ở cột b em đã biết thành phần nào? Thành phần nào em cần phải tìm?- Muốn tìm số trừ chưa biết em cần làm thế nào?- Ở bài tập 3 các em đã được vận dụng kiến thức gì để làm bài tập?- Khắc sâu kiến thức cách tìm số bị trừ và số trừ.**Bài 4. ( Làm việc theo nhóm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số bị trừ | 33 | ? | ? | ? | 82 | 164 | 2 340 |
| Số trừ | 7 | 8 | 27 | 32 | ? | ? | ? |
| Hiệu | ? | 43 | 9 | 22 | 32 | 100 | 2 300 |

- Yêu cầu học sinh làm bài.- Quan sát giúp đỡ học sinh còn lúng túng.- GV quan sát nhận xét cách chia sẻ.- Qua bài tập 3 các em đã được thực hành kiến thức gì để làm bài.- Hãy chia sẻ cho các bạn nghe về cách tìm số bị trừ, số trừ, hiệu số trong phép tính trừ.**Bài 5: ( Làm việc cá nhân )*****a) Lúc đầu trong ổ có 10 quả trứng một số quả trứng đã nở, còn lại 6 quả trứng chưa nở. Hỏi có mấy quả trứng đã nở.***- Yêu cầu học sinh đọc đề bài.- GV vừa phân tích đề toán vừa tóm tắt.- Bài toán cho biết gì?- Bài toán yêu cầu chúng ta tìm gì?- Muốn tìm được số trứng đã nở chúng ta cần làm như thế nào?Tóm tắtCó: 10 quả trứngCòn lại: 6 quả trứngĐã nở: ...quả trứng?- GV quan sát chấm một số bài cho học sinh.- Nhận xét bài làm và cách trình bày.b) GV yêu cầu học sinh đọc đề bài.***Anh Nam mua vé vào xem hội trợ hết 12 000 đồng. Người bán vé trả lại anh Nam 8000 đồng. Hỏi anh Nam đã đưa cho người bán vé bao nhiêu tiền?***- Bài toán cho biết gì? - Bài toán hỏi gì?GV nêu: Đây là tình huống liên quan đến phép trừ. Tiền vé hết 12 000 đồng không biết anh Nam đã đưa cho người bán vé bao nhiêu tiền, mà người bán vé lại trả cho anh Nam 8000 đồng. Như vậy trong phép trừ đó số bị trừ chưa biết, số trừ chính là tiền mua vé 12 000 đồng, trả lại 8000 đồng là hiệu bài toán trở thành dạng tìm số bị trừ chưa biết? Vì thế ta lấy hiệu cộng với số trừ.Tóm tắtAnh Nam mua vé: 12 000 đồng.Người bán vé trả lại: 8000 đồng. Anh Nam đưa: .....đồng?- GV yêu cầu học sinh làm bài vào vở.- Nhận xét cách làm bài và trình bày. | - Cá nhân đọc đề bài và làm bài.a) 18 - 8 = 10, b) 16 - 4 = 12 c) 236 - 226 = 10- HS làm xong đổi chéo vở chữa bài cho bạn.- Hai bạn hỏi nhau cách làm.- là số bị trừ, 8 là số trừ, 10 là hiệu- Muốn tìm số bị trừ chưa biết ta lấy hiệu cộng với số trừ.- Số trừ chưa biết em cần phải tìm.- Em lấy số bị trừ trừ đi hiệu.- Vận dụng kiến thức đã học về cách tìm số bị trừ và số trừ để làm bài tập.- Cá nhân làm bài vào vở sau đó chia sẻ bài làm của mình trong nhóm.- Nhóm trưởng điều hành chia sẻ cách làm bài VD: Cột thứ nhất kết quả bằng bao nhiêu? Bạn làm như thế nào?- Cột thứ hai yêu cầu bạn tìm gì?- Muốn tìm số bị trừ bạn làm như thế nào?- Cột thứ 5 muốn tìm số trừ bạn làm như thế nào?- Muốn tìm số bị trừ chưa biết ta lấy hiệu cộng với số trừ.- Muốn tìm số trừ chưa biết ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu.- Học sinh đọc đề toán và cùng thảo luận với bạn về thông tin trong bài toán.- Số trứng trong ổ và số trứng còn lại.- Số quả trứng đã nở.- Muốn tìm được số trứng đã nở ta lấy số trứng trong ổ trừ đi số trứng còn lại.- Học sinh làm bài vào vởBài giảiCó số quả trứng đã nở là:10 -6 = 4 (quả) Đáp số: 4 quả- Anh Nam mua vé vào xem hội trợ hết 12 000 đồng. Người bán vé trả lại anh Nam 8000 đồng.- Hỏi anh Nam đã đưa cho người bán vé bao nhiêu tiền?- Học sinh làm bài vào vở sau đó đổi chéo vở kiểm tra bài nhau và nhận xét.Bài giảiAnh Nam đã đưa cho người bán vé số tiền là:12 000 + 8000 = 20 000 ( đồng)Đáp số: 20 000 đồng. |
| **4. Vận dụng**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| **Bài tập 6 ( Làm việc theo cặp )**- GV tổ chức cho các bạn chơi trò chơi “ Đố bạn”a) Hai bạn tự nghĩ ra một phép tính cộng. Rồi sử dụng phép tính trừ để kiểm tra lại kết quả.- GV hỏi để kiểm tra lại phép tính cộng ta làm như thế nào? b) Tương tự: Viết một phép tính trừ. Ví dụ: 209 - 76 = ?- Để kiểm tra lại kết quả của phép tính trừ em làm thế nào?- GV hỏi: Qua trò chơi này chúng ta biết thêm được kiến thức gì?- Khi thực hiện phép trừ muốn thử lại xem phép tính đó có đúng không em nhắc bạn điều gì?- Liên hệ: Về nhà các em tìm tình huống thực tế liên quan đến tìm thành phần chưa biết phép cộng, phép trừ để chia sẻ với bạn nhé. | - Em và bạn cùng nói cho nhau nghe cách tính tổng rồi sử dụng phép trừ để kiểm tra kết quảVí dụ: 175 + 207 = ?Tính Thử lại

|  |  |
| --- | --- |
| + | 175 |
| 207 |
|  | 382 |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| - | 382 |
| 207 |
|  | 175 |
|  |  |

175 + 207 = 382 382 - 207 = 175- Lấy tổng trừ đi số hạng này thì ra số hạng kia. Nếu kết quả bằng số hạng kia thì phép cộng thực hiện đúng.- Học sinh thực hiện.Tính Thử lại

|  |  |
| --- | --- |
| + | 133 |
| 76 |
|  | 209 |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| - | 209 |
| 76 |
|  | 133 |
|  |  |

209 – 76 = 133 133 +76 = 209- Nói cho nhau nghe kiểm tra kết quả phép tính trừ.- Ta lấy hiệu cộng với số trừ . Nếu kết quả bằng số bị trừ thì phép trừ đã thực hiện đúng. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |